

Số bản án: 83/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 13/9/2017.

V/v: “Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thị Thu Trang;

Ông Từ Xuân Tiếng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 299/2017/TLST-HN ngày 10/7/2017 về “Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T₁, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Minh T₁ có mặt, bà Nguyễn Thị Kim C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T₁ trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Quới vào năm 2004. Sau khi cưới, ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian. Thời gian sau, vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, vợ chồng không có tiếng nói chung và quan tâm lẫn nhau trong cuộc sống. Vì vậy nay ông khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim C.

Về con chung: Đồng ý giao hai con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/01/2006 và cháu Nguyễn Minh T₂, sinh ngày 13/8/2013 cho bà Nguyễn Thị Kim C nuôi dưỡng. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng/cháu/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Minh T₁ khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 28/8/2017, bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Bà thống nhất với ông Nguyễn Minh T₁ về điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân cũng như con chung. Nay ông Nguyễn Minh T₁ xin ly hôn bà cũng đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Minh T₁. Bà C xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử ở cấp sơ thẩm.

Về con chung: Bà đồng ý nhận nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/01/2006 và cháu Nguyễn Minh T₂, sinh ngày 13/8/2013. Bà yêu cầu ông Nguyễn Minh T₁ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000đồng/cháu/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim C khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Minh T₁ và bà Nguyễn Thị Kim C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y vào năm 2004. Thời gia đầu, vợ, chồng sống chung hạnh phúc có hai con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/01/2006 và cháu Nguyễn Minh T₂, sinh ngày 13/8/2013. Thời gian sau phát sinh mâu thuẫn. Vợ, chồng thường xuyên bất hòa. Ông T₁, bà C đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Vợ chồng cũng không có ý định hàn gắn. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà C.

Xét thấy, giữa ông T₁ và bà C có thời gian ly thân đã lâu, trong thời gian này giữa ông T₁ và bà C không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác ông T₁ kiên quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ với bà C. Bà C cũng đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Minh T₁. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ,

bền vững nhưng ông T₁ và bà C không đảm bảo nguyên tắc này, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T₁ đối với bà Nguyễn Thị Kim C.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim C được quyền nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/01/2006 và cháu Nguyễn Minh T₂, sinh ngày 13/8/2013. Ghi nhận ông Nguyễn Minh T₁ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.500.000đồng/cháu/tháng.

Về tài sản chung, nợ phải thu và nợ phải trả: Ghi nhận ông Nguyễn Minh T₁, bà Nguyễn Thị Kim C khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T₁ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim C.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim C được quyền nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 19/01/2006 và cháu Nguyễn Minh T₂, sinh ngày 13/8/2013. Ghi nhận ông Nguyễn Minh T₁ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.500.000đồng/cháu/tháng.

3. Về tài sản chung, nợ phải thu và nợ phải trả: Ông Nguyễn Minh T₁, bà Nguyễn Thị Kim C khai không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T₁ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0011095 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, ông Nguyễn Minh T₁ phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và còn phải nộp tiếp số tiền này.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đào Chí Cường

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- C cục THADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Phú Lễ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Chí Cường

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- C cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- UBND xã Phong Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND xã nơi cư trú.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bé

Lê Văn Cảnh

Phạm Minh Tâm